

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ
(Tính đến ngày 08/7/2026)

STT	Đơn vị hành chính cấp xã	Số thôn/TDP tính đến 20/6/2026	Số lượng người hoạt động KCT thôn, TDP (tính đến ngày 20/6/2026)			Số thôn, TDP thực hiện sắp xếp	Số lượng thôn, TDP tính đến ngày 01/7/2026			Số lượng người hoạt động KCT ở thôn, TDP (tính đến ngày 08/7/2026)			Số lượng người hoạt động KCT thuộc thôn, TDP sắp xếp không tiếp tục bố trí	Số lượng người hoạt động KCT thuộc thôn, TDP không sắp xếp không tiếp tục bố trí	Ghi chú	
			Tổng số KCT thôn, TDP	Trong đó:			Tổng cộng	Số thôn, TDP hình thành sau sắp xếp	Số thôn, TDP không sắp xếp	Tổng số người hoạt động KCT ở thôn, TDP hiện nay	Trong đó:					
				Số lượng người hoạt động KCT thuộc thôn, TDP sắp xếp	Số lượng người hoạt động KCT thuộc thôn, TDP không sắp xếp						Số lượng người hoạt động KCT thôn, TDP thời điểm 20/6/2026 tiếp tục bố trí KCT thôn, TDP	Số lượng KCT cấp xã (cũ) bố trí KCT thôn, TDP	Số lượng bố trí KCT thôn, TDP từ nguồn khác			
1	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9	10	11=12+13+14	12	13	14	15	16	17
	Xã Sơn Kỳ	16	32	24	8	10	10	6	4	24	15	3	6	15	2	

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ
KHÔNG TIẾP TỤC BỎ TRÍ
(Tính đến ngày 08/7/2026)

STT	Đơn vị/Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh KCT thôn, TDP (tính đến ngày 20/6/2026)	Chức vụ, chức danh kiêm nhiệm (cũ) (ghi rõ nếu kiêm nhiệm KCT)	Tên thôn, TDP thời điểm 20/6/2026	Đảng viên, chức vụ trong đảng	Dân tộc (ghi rõ dân tộc)	Tôn giáo (ghi rõ tôn giáo nếu có)	Trình độ Văn hóa			Trình độ chuyên môn (Ghi chuyên ngành trong ô tương ứng)				Trình độ lý luận chính trị (Đánh X) trong ô tương ứng)				Đã đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động	Mức phụ cấp hiện hưởng	Thời gian công tác là KCT thôn, TDP (tháng)	Thời gian công tác là KCT xã (nếu có) (tháng)	Ghi chú
		Nam	Nữ							Tốt nghiệp p tiểu học	Tốt nghiệp THPT	Tốt nghiệp PTTH	Chưa qua đào tạo	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học trở lên	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp, cử nhân					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Xã A																								
1	Đình Thị Đen		01/01/1994	Bí thư chi bộ	Trưởng Ban công tác Mặt trận	Thôn Mô Níc (cũ)	Đảng viên	H rê	Không		X					X						2,67	16		
2	Đình Thanh Nguồn	10/05/1984		Bí thư chi bộ	Trưởng Ban công tác Mặt trận	Thôn Tà Bắc (cũ)	Đảng viên	H rê	Không			X										2,67	156		
3	Đình Thị Kiệt		27/07/2004	Trưởng thôn		Thôn Tà Bắc (cũ)	Đảng viên	H rê	Không			X										2,67	18		
4	Ngỗ Khắc Nhành	10/08/1964		Trưởng Ban công tác Mặt trận		Thôn Làng Rê (cũ)	Đảng viên	Kinh	Không			X			x						X	2,66	153		
5	Đình Văn Chinh		24-10-1977	Trưởng Ban công tác Mặt trận		Thôn Làng Rút (cũ)	Đảng viên	H rê	Không			X				X			X			2,66	30	270	
6	Đình Văn Hây	17-08-1993		Bí thư chi bộ	Trưởng thôn	Thôn Làng Rút (cũ)	Đảng viên	H rê	Không			X	X					X				2,67	18		
7	Lê Xuân Phê	12/12/1986		Trưởng thôn		Thôn Làng Riềng (cũ)	Đảng viên	H rê	Không			X	X									2,67	96		
8	Đình Văn Hiền	12/08/1985		Bí thư chi bộ	Trưởng Ban công tác Mặt trận	Thôn Tà Gầm (cũ)	Đảng viên	H rê	Không			X					x					2,67	191		
9	Đình Văn Quy	07/02/1989		Bí thư chi bộ	Trưởng Ban công tác Mặt trận	Thôn Làng Trắng (cũ)	Đảng viên	H rê	Không			X		x								2,67	49	11	
10	Đình Thị Tép		08/10/1987	Bí thư chi bộ	Trưởng thôn	Thôn Di Hoăng (cũ)	Đảng viên	H rê	Không			X	X									2,67	18		
11	Đình Văn Khói	16/05/1988		Trưởng Ban công tác Mặt trận		Thôn Di Hoăng (cũ)	Đảng viên	H rê	Không		x											2,66	50		
12	Đình Văn Sinh	28/11/2002		Trưởng Ban công tác Mặt trận		Thôn Kà Khu (cũ)	Đảng viên	H rê	Không		x											2,66	15		
13	Đình Thị Huệ		25/03/1992	Bí thư chi bộ	Trưởng thôn	Thôn Kà Khu (cũ)	Đảng viên	H rê	Không			X										2,67	28		

STT	Đơn vị/Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh KCT thôn, TDP (tính đến ngày 20/6/2026)	Chức vụ, chức danh kiêm nhiệm (cũ) (ghi rõ nếu kiêm nhiệm KCT)	Tên thôn, TDP thời điểm 20/6/2026	Đảng viên, chức vụ trong đảng	Dân tộc (ghi rõ dân tộc)	Tôn giáo (ghi rõ tôn giáo nếu có)	Trình độ Văn hóa			Trình độ chuyên môn (Ghi chuyên ngành trong ô tương ứng)				Trình độ lý luận chính trị (Đánh X) trong ô tương ứng)				Đã đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động	Mức phụ cấp hiện hưởng	Thời gian công tác là KCT thôn, TDP (tháng)	Thời gian công tác là KCT xã (nếu có) (tháng)	Ghi chú
		Nam	Nữ							Tốt nghiệp p tiểu học	Tốt nghiệp p THCS	Tốt nghiệp PTTH	Chưa qua đào tạo	Trun g cấp	Cao đẳn g	Đại học trở lên	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trun g cấp	Cao cấp, cử nhân					
14	Đình Văn Boác	12/03/1993		Trưởng thôn		Thôn Mò O(cũ)	Đảng viên	H rê	Không			X										2,67	18		
15	Phạm Văn Hang	15/06/1995		Bí thư chi bộ	Trưởng Ban công tác Mặt trận	Thôn Gò Đa(cũ)	Đảng viên	H rê	Không			X										2,67	126		
16	Đình Văn Nhị	11/11/1988		Trưởng thôn		Thôn Làng Ranh	Đảng viên	H rê	Không			X		X								2,67	12	50	
17	Đình Văn Năm	10-07-1989		Trưởng thôn		Thôn Nước lác	Đảng viên	H rê	Không			X										2,67	18		

Cột 7: ghi tên thôn, tổ dân phố trước khi sắp xếp. Ví dụ: Thôn B (cũ), thôn C (cũ)